

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 396/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn N, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Vũ Văn N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, anh N chơi bời, thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị T đã khuyên bảo nhiều nhưng anh N không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh N. Về con chung: Anh chị có 02 con là Vũ Nam P sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 và Vũ Nam H sinh ngày 26 tháng 11 năm 2018. Chị T nhận nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nên không có lời khai. Tại phiên tòa ngày 26 tháng 5 năm 2021, trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, anh N đề nghị hoãn phiên tòa vì anh muốn thỏa thuận lại với chị T để cho anh được nuôi 02 con.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị T và anh Vũ Văn N đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N. Về con chung: Giao con Vũ Nam P sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 cho anh Vũ Văn N nuôi dưỡng, giao con Vũ Nam H sinh ngày 26 tháng 11 năm 2018 cho chị Trịnh Thị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị T và anh N đều không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Vũ Văn N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ những tài liệu sau đối với anh N: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn là chị Trịnh Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Vũ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 02 năm 2015. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và anh chị cũng không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh N. Trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án, mặc dù biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh N đều không có mặt theo thông báo của Tòa án. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh N. Như vậy, mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh N.

[4] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Vũ Nam P sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 và Vũ Nam H sinh ngày 26 tháng 11 năm 2018. Chị T nhận nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh N không có ý kiến bằng văn bản về việc nuôi dạy con chung nhưng tại phiên tòa ngày 26 tháng 5 năm 2021, anh N trình bày nguyện

vọng muốn được nuôi 02 con. Trên thực tế cho thấy trong khoảng thời gian sống ly thân, chị T bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay, các con vẫn ở với anh N và được gia đình bên nội hỗ trợ chăm sóc ổn định, chị T và anh N đều làm nghề tự do. Do vậy cần giao con Vũ Nam H sinh ngày 26 tháng 11 năm 2018 cho chị T nuôi dưỡng, giao con Vũ Nam P sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của anh chị và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Giao con Vũ Nam H sinh ngày 26 tháng 11 năm 2018 cho chị Trịnh Thị T nuôi dưỡng, giao con Vũ Nam P sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 cho anh Vũ Văn N nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trịnh Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011694 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trịnh Thị T và anh Vũ Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Q, huyện A;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên